

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: TP-05/Miwon/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Miwon Việt Nam

Địa chỉ: Phố Sông Thao - Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 02103 848717~9; Fax: 0210 3848721

E-mail: rdmiwon@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933

Số giấy chứng nhận sơ sở đủ điều kiện ATTP: 001011/2015/ATTP-CNĐK Ngày cấp 25/11/2015, nơi cấp Cục an toàn thực phẩm – Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Phụ gia thực phẩm:

Mì chính - Bột ngọt

2. Thành phần: Mononatri glutamat 99+%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 5 năm

- Ngày sản xuất (NSX): “Được in trên bao bì của sản phẩm”

Ghi chú: đối với bao bì in như này được sử dụng khi bao gói đối với các sản phẩm đóng thủ công, nhà sản xuất sẽ in lần lượt: 2 số chỉ ngày, 2 số chỉ tháng, 2 số chỉ năm để thể hiện cho ngày, tháng, năm sản xuất và các ký hiệu nhận biết để truy xuất khi đóng gói sản phẩm tại gần vị trí có chữ ngày sản xuất (NSX):

Hoặc Ngày sản xuất (NSX): xem ở mép dán bao bì

Ghi chú: đối với bao bì in như này được sử dụng khi bao gói đối với các sản phẩm đóng máy, nhà sản xuất sẽ in lần lượt: 2 số chỉ ngày, 2 số chỉ tháng, 2 số chỉ năm để thể hiện cho ngày, tháng, năm sản xuất và các ký hiệu nhận biết để truy xuất khi đóng gói sản phẩm ở mép dán của bao bì .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất xem ở cạnh NSX
- Hạn sử dụng (HSD): 5 năm kể từ ngày sản xuất

M.S.D.N

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ y tế
 - Bao bì trong (túi): PE; OPP/PE/LLDPE; PA/ LLDPE,...
 - Bao bì ngoài: bao tải dứa – PP; hộp – Carton.
- Kích cỡ Size sản phẩm: Large – L (cỡ lớn), Medium – M (cỡ trung bình), Small – S (cỡ nhỏ), Super Small – SS (cỡ siêu nhỏ).
- Quy cách bao gói: 50 g, 83 g, 100 g, 142 g, 180 g, 200 g, 227 g, 250 g, 350 g, 400 g, 454 g, 500 g, 900 g, 1 kg, 1.6 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg.
- Nội dung in “g”, “kg” và **g** ; **kg** là vị trí ghi quy cách bao gói cho sản phẩm bao gói, ví dụ là 50 g hay 1 kg; **50 g** hay **1 kg**

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

F1: Phố Sông Thao – Thọ Sơn – Việt Trì – Phú Thọ

F2: Khu CX Linh Trung II – Bình Chiểu - Thủ Đức – TP. HCM

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Có mẫu nhãn sản phẩm kèm theo

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Miwon Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm Mì chính – Bột ngọt đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Phụ lục 2 thuộc QCVN 4-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm – chất điều vị.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Nghị định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BYT: Thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm (hợp nhất thông tư số 27/2012/TT-BYT và thông tư số 08/2015/TT-BYT).

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Yêu cầu kỹ thuật:

- Theo QCVN 4-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm – chất điều vị (phụ lục 2).

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể hoặc bột tinh thể trắng.
- Màu sắc: màu trắng
- Mùi, vị: không có mùi, có vị đặc trưng

1.2. Định tính:

- Độ tan: Dễ tan trong nước, ít tan trong ethanol, thực tế không tan trong ether.
- Glutamat: Phải có phản ứng đặc trưng của glutamat.
- Natri: Phải có phản ứng đặc trưng của natri.

1.3. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu. {Theo QCVN 4-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm – chất điều vị (phụ lục 2)}

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm (sấy ở 98°C/5 giờ)	%	≤ 0,5
2	pH (dung dịch 1/50)		6,7 ~ 7,2
3	Góc quay cực riêng	Độ ($[\alpha]_{D_{20}}$)	+24,8 ~ +25,3
4	Hàm lượng Clorid	%	≤ 0,2
5	Acid pyrrolidon carboxylic C ₄ H ₆ ON-COOH		Đạt yêu cầu qua thử nghiệm
6	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 1,0
7	Hàm lượng C ₅ H ₈ NNaO ₄ .H ₂ O	% chất khô	≥ 99,0

933.
G T
IHH
WO
T N
/RI-T.

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (Theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Asen (As)	mg/kg	$\leq 5,0$
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

1.5. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	E.coli	CFU/g	3
4	S. aureus	CFU/g	10^2
5	Salmonella	/25g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2

2. Thời hạn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng: 5 năm

- Ngày sản xuất (NSX): “Được in trên bao bì của sản phẩm”

Ghi chú: đối với bao bì in như này được sử dụng khi bao gói đối với các sản phẩm đóng thủ công, nhà sản xuất sẽ in lần lượt: 2 số chỉ ngày, 2 số chỉ tháng, 2 số chỉ năm để thể hiện cho ngày, tháng, năm sản xuất và các ký hiệu nhận biết để truy xuất khi đóng gói sản phẩm tại gần vị trí có chữ ngày sản xuất (NSX):

Hoặc Ngày sản xuất (NSX): xem ở mép dán bao bì

Ghi chú: đối với bao bì in như này được sử dụng khi bao gói đối với các sản phẩm đóng máy, nhà sản xuất sẽ in lần lượt: 2 số chỉ ngày, 2 số



thứ tháng, 2 số chỉ năm thể hiện cho ngày, tháng, năm sản xuất và các ký hiệu nhận biết để truy xuất khi đóng gói sản phẩm ở mép dán của bao bì.

- Địa chỉ cơ sở sản xuất xem ở cạnh NSX
- Hạn sử dụng (HSD): 5 năm kể từ ngày sản xuất

3. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng:

Để công việc nấu nướng của bạn thêm thú vị và món ăn ngon hơn, đậm đà hơn, chọn **Miwon** và sử dụng theo hướng dẫn bên dưới:

Hướng dẫn sử dụng – Cho 5 người ăn

- Món canh: 1 thìa (muỗng)
- Món lẩu: 1 thìa (muỗng)
- Món kho: 1 thìa (muỗng)
- Món xào: 1 thìa (muỗng)

1 thìa (muỗng) = 4 g

- Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ và thoáng mát

4. Tên nhóm sản phẩm: phụ gia thực phẩm
5. Thông tin, cảnh báo, vệ sinh an toàn: Dùng cho thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Việt Trì, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Công ty TNHH Miwon Việt Nam



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Park Ho Keun

Miwon



SUPER SEASONING

Mì chính - Bột ngọt



NGỌT NGÀO TÌNH MẸ



KHỐI LƯỢNG TÍNH:

g

THƯƠNG HIỆU BỘT NGỌT HÀN QUỐC

THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA
Miwon DAESANG CORPORATION, HÀN QUỐC

Miwon



Mì chính - Bột ngọt

SUPER SEASONING

Để công việc nấu nướng của bạn thêm thú vị và món ăn ngon hơn, đậm đà hơn, chọn **Miwon** và sử dụng theo hướng dẫn bên dưới:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG - Cho 5 người ăn



1 thìa (muỗng) = 4 g

Giữ trọn hương vị thiên nhiên!

LÀM TỪ TINH BỘT VÀ MẬT MĨA ĐƯỜNG

Thành phần: Mononatri glutamat 99+%

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ và thoáng mát

Phụ gia thực phẩm - Dùng cho thực phẩm

SẢN XUẤT TẠI:

Miwon CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

F1: PHỐ SÔNG THẠO - THO SƠN - VIỆT TRÍ - PHÚ THO

F2: KHU CÁCH LĨNH TRUNG 3 - BÌNH CHIỂU - THỦ ĐỨC - TP. HCM



TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
024. 3768 0563

NSX: Xem ở mép dán bao bì

HSD: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Giá chỉ có số sản xuất xem ở cạnh NSX

Barcode

Số tự công bố: TP-05/Miwon/2016

